

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2026

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hưởng.

Ông Lê Công Nhận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2026/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2026 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 01/3/1984. Số CCCD: 030184022xxx. Đăng ký hộ khẩu thường trú: số 28, phố C, phường L, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: số 5/3, phố K, khu T, xã M, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức V, sinh ngày 11/7/1981. Số CCCD 030081006xxx. Đăng ký hộ khẩu thường trú: số 28, phố C, phường L, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: số 13/87, phố C, phường L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Hoàng Y trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 13/10/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân được 10 năm, không còn quan tâm đến nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 28/7/2005, hiện cháu N đã trưởng thành, tự lập nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung, công sức: Chị Y không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức V trình bày: Anh và chị Vũ Thị Hoàng Y được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 13/10/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nay chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 28/7/2005, hiện cháu đã trưởng thành, tự lập nên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung, công sức: Anh V không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y ly hôn anh V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: không giải quyết. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vũ Thị Hoàng Y khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức V có địa chỉ: phố C, phường L, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn.

[1.2] Nguyên đơn chị Y và bị đơn anh V đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hoàng Y và anh Nguyễn Đức V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 13/10/2004 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Chị Y xin ly hôn, anh V có quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Y ly hôn anh V.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Y và anh V xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 28/7/2005, hiện cháu đã trưởng thành, tự lập nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Hoàng Y, xử cho chị Vũ Thị Hoàng Y ly hôn anh Nguyễn Đức V.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Hoàng Y phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số 0003092 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Y đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Hoàng Y và anh Nguyễn Đức V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường L, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2004 tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh